



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

2021





MỤC LỤC

04

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ DOHACO

- 06 Thông tin khái quát
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 13 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro

20

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 31 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 32 Tình hình tài chính
- 36 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 38 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

42

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 45 Tình hình tài chính
- 47 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 48 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 49 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

50

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 52 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 53 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 53 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

54

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 56 Hội đồng quản trị
- 59 Ban Kiểm soát
- 60 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

64

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

GIỚI THIỆU VỀ DOHACO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ
CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



DOHACO®



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
LÔ ANI KCN GIAO LONG X. AN PHƯỚC, H. CHÂU THÀNH T. BẾN TRE

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Tên doanh nghiệp bằng tên quốc tế	: DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
Tên doanh nghiệp viết tắt	: DOHACO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 1300358260 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 09 năm 2021
Địa chỉ	: Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Số điện thoại	: (0275) 2470 655
Số fax	: (0275) 3635 222
Website	: http://www.dohacobentre.com.vn
Mã cổ phiếu	: DHC
Vốn điều lệ	

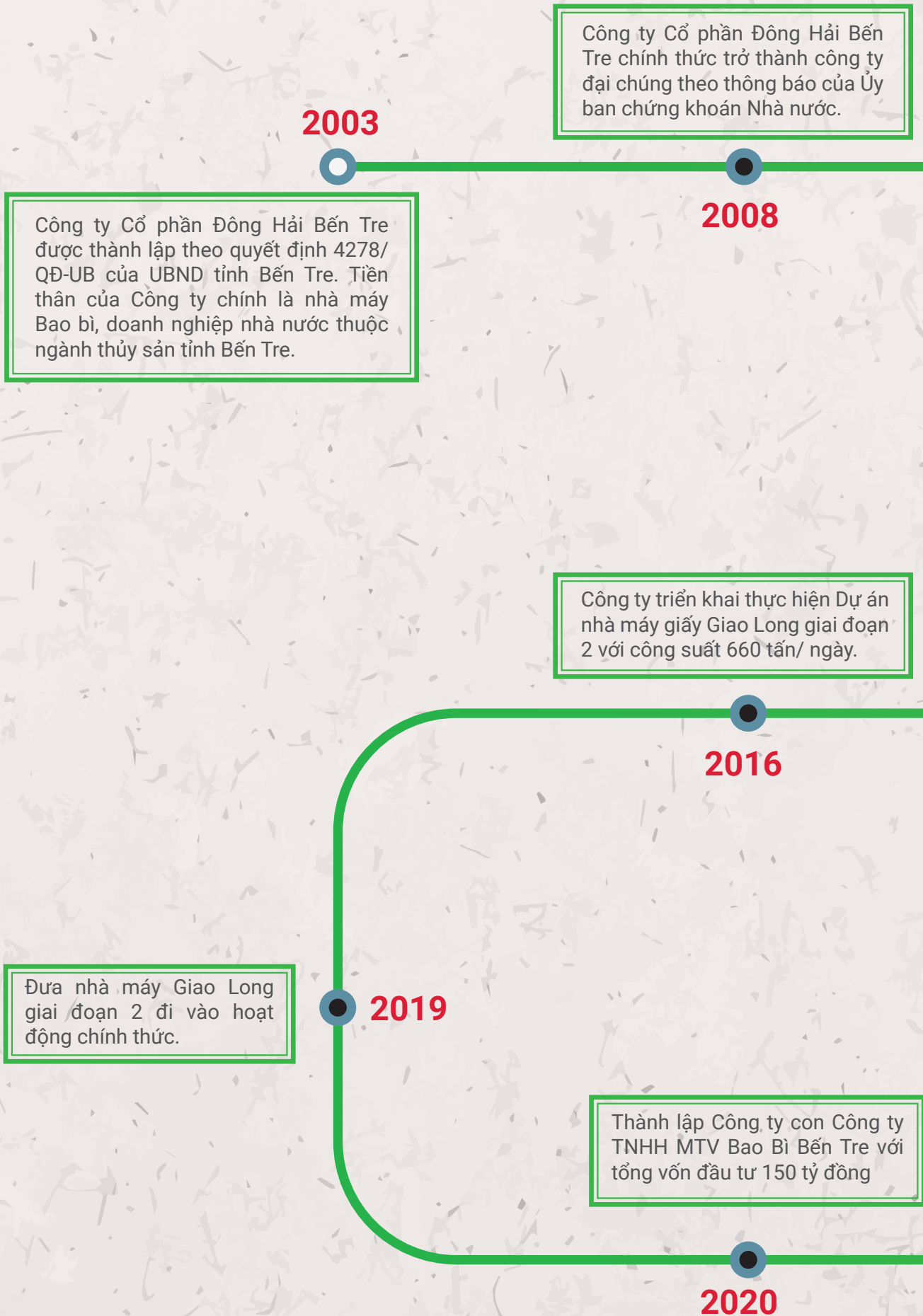
699.944.230.000 VNĐ





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán DHC.

2009

2011

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức lễ khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động nhà máy giấy Giao Long (giai đoạn I) và nhà máy Bao Bì số 02.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức chuyển trụ sở chính của công ty về địa chỉ Lô AIII khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2015

ĐHĐCĐ ra chủ trương đầu tư Công ty Cổ phần Bao bì Đông Hải với vốn đầu tư 250 tỷ, Công ty Cổ phần sản xuất giấy với tổng vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng

2021

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU



Cúp vàng sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO.
Cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt



Giấy chứng nhận Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
Giấy Chứng nhận top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam - 2008



Giấy chứng nhận Thương hiệu uy tín chất lượng 2009.
Chứng nhận Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam - 2009.



Huy chương vàng danh hiệu: Chất lượng Việt Nam - Phù hợp tiêu chuẩn - 2013



Cúp vàng Thương hiệu - Sản phẩm - Uy tín - Chất lượng - 2008



Các giấy chứng nhận thương hiệu Công ty CP Đông Hải Bến Tre



Chứng chỉ ISO 9001:2015 về Hệ thống quản lý chất lượng



Chứng chỉ ISO 14001:2015 về Hệ thống quản lý môi trường



Chứng chỉ FSC năm 2021

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

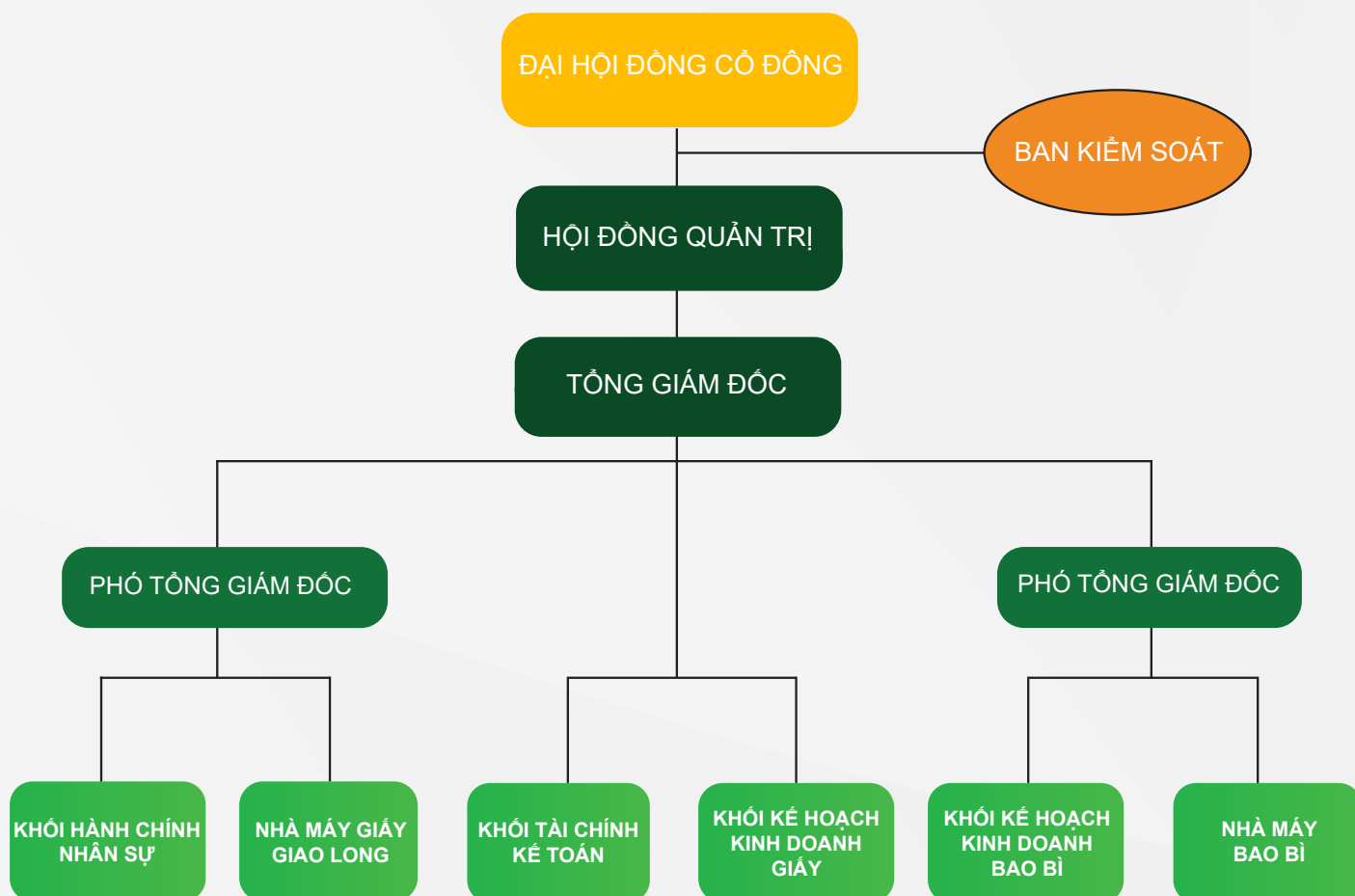
STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701 (chính)
2	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
3	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	1811; 1812

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Công ty hoạt động kinh doanh chính ở khu vực miền nam, đặc biệt là hai vùng kinh tế trọng điểm lớn của cả nước là ĐBSCL và Đông Nam Bộ. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, tập trung nhiều ngành nghề sản xuất và chế biến dẫn đến nhu cầu cao về giấy và bao bì.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON

Tên công ty: **Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre**

Địa chỉ: Lô AIV-8, AIV-9, Khu Công Nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất và kinh doanh bao bì carton.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 100%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long**

Địa chỉ: 126 Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Lĩnh vực SXKD chính: Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

Vốn điều lệ: 2.600.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 26%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy 02 dòng sản phẩm giấy kraft - bao bì carton làm trọng tâm phát triển.



Tăng cường tìm kiếm đối tác mới để mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong phân khúc giấy công nghiệp.



Phương châm hành động:

“Khép kín quy trình sản xuất - phát triển quy mô năng lực - nâng cao hiệu quả kinh doanh.”

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Trong dài hạn, Công ty đề ra mục tiêu cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, từ đó có thể hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường vừa đáp ứng xu hướng tiêu dùng vừa góp phần phát triển giá trị cốt lõi của Công ty.

Đẩy mạnh mở rộng thị trường nội địa, quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy DOHACO nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trước các đối thủ trong và ngoài nước.

Công ty cũng chú trọng tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển các kỹ năng quản lý.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) & CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và có những hành động thiết thực đối với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

Công ty sẽ tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty. Công ty sẽ phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Công ty sẽ đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.

Công ty sẽ quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội. Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững. Công ty sẽ tích cực hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện tại địa phương...



CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 2,58% so với năm 2020. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Trong bối cảnh dịch Covid – 19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, GDP năm 2021 vẫn ghi nhận tăng là một thành công lớn của nước ta trong việc phòng chống dịch bệnh, duy trì sản xuất kinh doanh.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, kỹ thuật số, smartphone... và ngành thương mại điện tử trên toàn cầu đã cản trở sự tăng trưởng của ngành giấy in và viết. Từ đó dẫn đến sự dịch chuyển trong cơ cấu sản xuất, tiêu thụ của ngành giấy. Bên cạnh đó, trước tác động từ dịch Covid – 19, ngành giấy truyền thống đã chịu ảnh hưởng lớn, tiêu thụ các loại giấy in và viết của thế giới đã giảm đáng kể.

Mục tiêu chủ yếu của công ty là lấy 02 dòng sản phẩm giấy kraft - bao bì carton làm trọng tâm phát triển đã cho thấy tầm nhìn cũng như các chiến lược kinh doanh mà DHC hướng đến để đối phó với sự dịch chuyển cầu trong ngành giấy, khi đây là các dòng sản phẩm có sức tăng trưởng mạnh mẽ trong thời kỳ thương mại điện tử phát triển như hiện nay.

Trước những diễn biến phức tạp của Đại dịch, Công ty sẽ chủ động chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh và phương án tài chính, cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế, đồng thời dựa trên những nguồn dự báo đáng tin cậy để xác định chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp nhất với sức tiêu thụ sản phẩm của thị trường giấy, nâng cao quản trị rủi ro để hạn chế đưa ra chiến lược, chính sách không phù hợp cũng như giảm thiểu tối đa thiệt hại cho Công ty.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2021, giá giấy nguyên liệu OCC tăng mạnh, giá giấy OCC Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản đã có mức tăng trung bình 96% - 111% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu đến từ (1) ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tỷ lệ thu gom giấy thu hồi trên thế giới giảm mạnh; (2) Chi phí vận chuyển tăng mạnh; (3) Năm 2021, nhu cầu sử dụng giấy OCC để sản xuất bao bì công nghiệp (testliner và medium) trên thế giới tăng trở lại. Tại Công ty, giá giấy OCC chiếm trên 70% tổng chi phí sản xuất kinh doanh. Do đó, khi có sự biến động của yếu tố nguyên vật liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí sản xuất và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào, công ty cần có những kế hoạch cụ thể về cung ứng nguyên liệu cho từng nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần tìm thêm những nguồn thu mua nguyên vật liệu nước ngoài để đảm bảo việc cung ứng kịp thời khi có sự cố thiếu hụt nguyên vật liệu trong nước. Đồng thời duy trì nguồn cung ứng từ nhiều nhà cung cấp để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt đầu vào và mua được nguyên vật liệu với giá cả hợp lý.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên Thị trường Chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp (2020), Luật chứng khoán (2019), Luật đầu tư (2020), Luật Bảo vệ Môi trường (2020), các Thông tư, Nghị định liên quan đến tài nguyên, môi trường và phát triển kinh tế bền vững... Bên cạnh đó, trong từng thời kỳ, các chính sách của Nhà nước liên quan đến ngành sản xuất giấy sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với sự hội nhập toàn cầu, Việt Nam sẽ tham gia vào nhiều tổ chức kinh tế thế giới, các Hiệp định Thương mại Tự do (FTAs)... dẫn đến hệ thống pháp luật nước ta phải thay đổi dần để phù hợp với thông lệ quốc tế. Đặc biệt, đối với những khu vực phát triển như Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản... Những yêu cầu liên quan đến các yếu tố về minh bạch nguồn gốc xuất xứ, ô nhiễm môi trường, an toàn lao động... đang được đặt lên hàng đầu trong nội dung các hiệp định hợp tác kinh tế. Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty cần liên tục cập nhật và tuân thủ những quy định pháp luật, tránh vi phạm dẫn đến thiệt hại cho Công ty.

RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành giấy Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt là các dòng sản phẩm về giấy Kraft và Carton. Cạnh tranh tiêu thụ giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước sẽ tăng mạnh do có nhiều dây chuyền mới đưa vào sản xuất. Giai đoạn 2019 – 2025 nhiều dự án của một số doanh nghiệp cùng ngành sẽ đi vào hoạt động, kéo theo sản lượng toàn ngành sản xuất giấy kraft có thể đạt 2,31 triệu tấn/năm vào năm 2026.

Bên cạnh đó là sự cạnh tranh với giấy nhập khẩu: giấy nhập khẩu dự kiến đến mạnh hơn từ các quốc gia trong khu vực như Lào (480.000 tấn mới), Malaysia (500.000 tấn mới) và từ Indonesia, Thái Lan do nhu cầu tiêu dùng nội địa của họ thấp nên sẽ gia tăng xuất khẩu vào Việt Nam.

CTCP Đông Hải Bến Tre phải chuẩn bị những giải pháp cụ thể như dựa vào thế mạnh của Công ty, chủ động trong việc quản lý bộ máy vận hành, liên tục cập nhật xu hướng tiêu dùng của khách hàng và mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp khác để mở rộng thị trường hơn để có thể giữ vững vị trí và tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp.

RỦI RO LÃI SUẤT

Năm 2021, giá nguyên vật liệu đầu vào diễn biến tăng mạnh trong năm, Công ty cũng phải gia tăng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Mặc dù lãi suất cho vay ở thời điểm hiện tại vẫn đang duy trì ở mức không quá cao, cũng như đòn bẩy tài chính của DHC ở mức an toàn, nhưng cũng có thể thấy rằng, bất kỳ sự biến động nhỏ trong lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DHC.

Công ty cần theo dõi liên tục lãi suất cũng như cơ cấu nợ để tránh những rủi ro về biến động lãi suất ảnh hưởng đến hoạt động cũng như là khả năng trả nợ của Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ

Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất của công ty là giấy OCC, chiếm khoảng 70% tổng chi phí. Nguồn cung nguyên liệu này vẫn phần lớn phải nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu nhập khẩu từ Nhật Bản, Hoa Kỳ... Do đó, chi phí sản xuất của Công ty sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá.

DHC sẽ nỗ lực giảm thiểu ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh bằng cách sử dụng những biện pháp tài chính như Hợp đồng tương lai để dự phòng rủi ro. Chính vì vậy, để giảm thiểu rủi ro về tỷ giá DHC cần liên tục theo dõi và phân tích tỷ giá để đưa ra những chiến lược, kịch bản phù hợp trong từng giai đoạn và hoàn cảnh của Công ty.



CÁC RỦI RO

RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Do tính chất đặc thù của ngành sản xuất, phần lớn người lao động phải thực hiện các công việc nặng nhọc và phải làm việc trong môi trường có mật độ bụi cao, môi trường máy móc ồn ào. Có thể thấy, nếu không có hệ thống quản lý về an toàn lao động hiệu quả thì dễ xảy ra nguy hiểm cho người lao động. Do vậy, an toàn lao động là một trong những vấn đề luôn được ban lãnh đạo Công ty chú trọng.

Các thiết bị trong xưởng, doanh nghiệp luôn được kiểm tra thường xuyên, đồng thời, xem xét lại các hồ sơ tai nạn và các hồ sơ y tế của Công ty, doanh nghiệp. Trang bị cho người lao động đồ bảo vệ toàn thân khi làm việc để ngăn chặn việc ảnh hưởng của công việc đến sức khỏe người lao động. Ngoài ra, Công ty còn hướng dẫn người lao động tự đánh giá rủi ro về an toàn lao động và khảo sát về những yếu tố nguy hiểm có thể gây tổn thương, bệnh tật và làm giảm sức khỏe người lao động tại nơi làm việc nhằm nâng cao công tác quản trị rủi ro an toàn lao động.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Ngành công nghiệp giấy có đặc thù là sử dụng nhiều năng lượng, nguyên nhiên liệu và hóa chất có khả năng phát thải độc hại, nên đây cũng là một trong những ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường đáng kể. Do vậy việc bảo vệ môi trường và xử lý chất thải sau sản xuất là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Thậm chí, ngay từ khâu nguyên liệu đầu vào là giấy phế liệu nhập khẩu để làm nguyên liệu sản xuất cũng ngày càng được các cơ quan chức năng siết chặt, tránh việc nhập khẩu phế liệu ồ ạt làm ô nhiễm môi trường sống. Bên cạnh đó, việc gia tăng các khoản phí như phí xử lý chất thải, phí tài nguyên môi trường... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Công ty cũng đã hoạch định toàn bộ các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường và hài hòa với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.



RỦI RO NHÂN SỰ

Tác động của 2 đợt dịch Covid – 19 trong 7 tháng đầu năm 2021 đến thị trường lao động vô cùng lớn đến thị trường lao động. Đặc biệt, trong tháng 7, tình hình giãn cách xã hội kéo dài đã làm “tê liệt” thị trường lao động phía Nam, là địa bàn hoạt động chủ yếu của Công ty. Nhiều tỉnh, thành phố đã có kế hoạch để đưa lao động về quê, tuy nhiên do yêu cầu về y tế, nên chỉ ưu tiên những người yếu thể, người già trẻ em, phụ nữ mang thai. Do đó dẫn đến tình trạng nhiều người lao động đã tự phát “ô ạt” về quê bằng các phương tiện cá nhân, không có đăng ký với chính quyền địa phương, không được theo dõi y tế... Điều này có thể tác động đến quyết định nghỉ việc đột ngột của người lao động, dẫn đến rủi ro về thiếu nhân sự.

Trước những khó khăn mà người lao động gặp phải, đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid – 19, Công ty đã liên tục thăm hỏi, hỗ trợ và đề ra những phương án giải quyết các vấn đề phù hợp với các trường hợp khác nhau của người lao động. Bên cạnh đó, để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất, Công ty đã thực hiện phương án “4 tại chỗ” đối với khối sản xuất và làm việc tại nhà đối với khối văn phòng. Điều này đã đảm bảo được mục tiêu kép cho Công ty khi vừa giải quyết được vấn đề sản xuất kinh doanh, vừa thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid – 19.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã đề cập, những rủi ro khó lường khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và lợi nhuận của công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch, lũ lụt,...Đặc biệt khi mà đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, các biến chứng mới lại xuất hiện liên tục, công ty luôn phải chủ động đề phòng, xây dựng những biện pháp về an ninh, y tế.

Công ty thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ nhân viên công ty nắm bắt và có biện pháp phòng tránh kịp thời để giảm thiệt hại về bản thân từng người và cũng như là tài sản. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký các hợp đồng bảo hiểm tài sản và con người để hạn chế đến mức thấp nhất các tổn thất có thể xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA
CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI
TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



DOHACO®

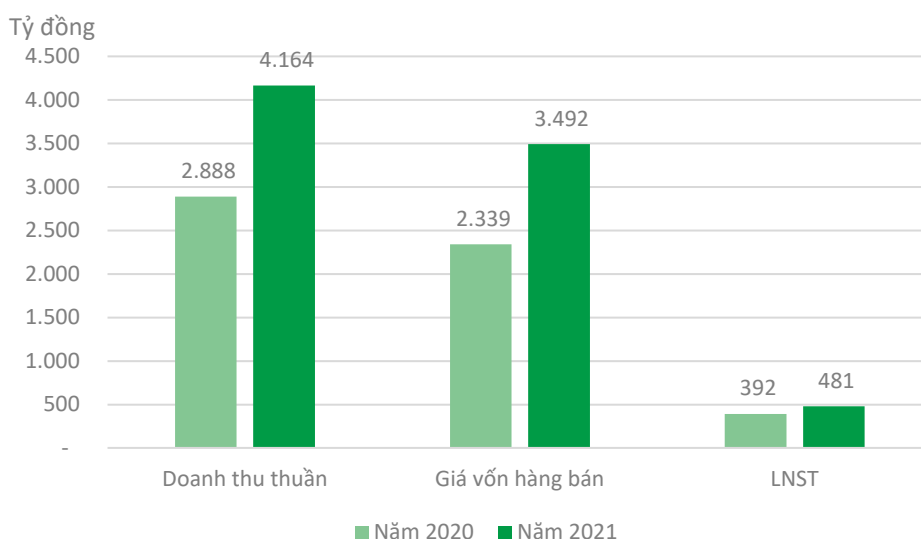


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: đồng				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	±%2021/ 2020
1	Doanh thu thuần	2.887.570.524.189	4.164.330.534.553	44,2%
2	Giá vốn hàng bán	2.339.353.334.338	3.491.679.314.664	49,3%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	406.818.736.316	508.543.998.282	25,0%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	391.923.587.886	481.340.230.615	22,8%

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn của doanh nghiệp khi đại dịch Covid – 19 kéo dài chưa có hồi kết. Vượt lên trên tất cả khó khăn, thử thách, toàn thể CBCNV và đội ngũ Ban lãnh đạo Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Cụ thể, doanh thu thuần ghi nhận tăng trưởng 44,2% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 22,8% so với năm 2020.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SO VỚI KẾ HOẠCH

Kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre:

- Doanh thu: 3.800 tỷ đồng
- LNST: 450 tỷ đồng

Như vậy, có thể thấy Công ty đã xuất sắc vượt kế hoạch đề ra trong năm 2021. Thành công này đến từ những nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí đầu vào cũng như giá bán đầu ra của các sản phẩm.

Năm 2021, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh là một thách thức lớn đối với toàn ngành nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Tuy vậy, Công ty vẫn tiếp nối được sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế qua các năm. Nguyên nhân góp phần cho thành công này đến từ lượng dự trữ hàng tồn kho lớn giá rẻ từ đầu năm, cũng như một lượng lớn hợp đồng bán các sản phẩm đầu ra được phép điều chỉnh giá theo sự thay đổi của giá các nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay cũng giảm do khoản vay dài hạn còn lại đã được quyết toán trong kỳ. Điều này cũng góp phần cải thiện lợi nhuận của Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	5.625.009	8,04%
2	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	6.688.000	9,56%
3	Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	248.010	0,35%
4	Bà Lê Thị Hoàng Huệ	Kế toán trưởng	69.758	0,10%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LÊ BÁ PHƯƠNG Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/11/1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 11/1987 - 07/2012: Làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre
- 08/2012 - 07/2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 07/2013 - 06/2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 06/2014 - 07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 08/2020 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.625.009 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 8,04% VĐL.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Nguyễn Thị Thủy (Vợ): 4.575.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 6,54% VĐL.
- Trương Văn Bình (Anh rể): 40.125 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,06% VĐL.

BÀ HỒ THỊ SONG NGỌC Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 11/02/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 09/2005 – 03/2008: Nhân viên tiếp nhận và triển khai đơn hàng thuộc phòng KHKD-CL Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 04/2008 – 08/2010: Phó Giám đốc Kinh Doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 09/2010 – 04/2012: Giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 05/2012 – 05/2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 05/2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre (Công ty con của Dohaco)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 248.010 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,35%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG LƯƠNG VĂN THÀNH
Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 12/11/1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 11/1986 – 09/1999: Phó Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng.
- 09/2003 – 10/2003: Trưởng phòng đầu tư phát triển – Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 11/2003 – 07/2012: Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 08/2012 – 06/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 06/2014 – 05/2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 05/2017 – 07/2020: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 08/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.688.000 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 9,56%

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ LÊ THỊ HOÀNG HUỆ
Kế toán trưởng

Ngày sinh: 09/03/1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1994 – 1996: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Công thương – CN Bến Tre.
- 1996 – 2003: Phó phòng kế toán Công ty Đông Lạnh Thủy Sản Xuất khẩu Bến Tre.
- 2003 – 2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy Sản Bến Tre.
- 2009 – 05/2013: Trưởng bộ phận kế toán giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn – CN Bến Tre.
- 07/2013 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 69.758 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 0,1%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lương Văn Thành (*)	Chủ tịch HĐQT	6.688.000	9,56%
2	Ông Lê Bá Phương (*)	Phó Chủ tịch HĐQT	5.625.009	8,04%
3	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	3.219.135	4,60%
4	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	3.723.758	5,32%
5	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	162.500	0,23%

(*): Xem phần lý lịch Ban Điều hành

ÔNG NGUYỄN THANH NGHĨA

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 27/11/1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- 12/1993 - 04/2001: Phó Phòng, Trưởng Phòng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP Hồ Chí Minh.
- 2001 - 05/2007: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc.
- 06/2007 - 07/2020: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.
- 06/2012 - 08/2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre.
- 05/2012 - 05/2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 08/2020 – 01/2022: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đại Thiên Lộc.
- 01/2022 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.
- 05/2017 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.723.758 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 5,32%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG LÊ QUANG HIỆP

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 22/08/1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- 1983 - 1985: Phó phòng kỹ thuật Liên hiệp Xí nghiệp Nhựa TP.HCM.
- 1985 - 1994: Giám đốc Xí nghiệp Quốc Doanh Nhựa TP.HCM.
- 1994 - 2004: Giám đốc Công ty Nhựa Đô Thành TP.HCM.
- 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Kỹ nghệ Đô Thành.
- 02/2017 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Kỹ nghệ Đô Thành

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.219.135 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 4,6%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG MARCO MARTINELLI

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 11/12/1978 (Thụy Sĩ)

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- 08/1998 - 12/1999: Nhân viên Ngân hàng Credit Suisse Thụy Sĩ.
- 01/2000 - 09/2000: Quản lý danh mục đầu tư Ngân hàng Generale du Luxembourg
- 10/2000 - 03/2007: Quản lý tài sản Turicum Investment Management AG.
- 06/2007 - 03/2013: Quản lý quỹ T.I.M Vietnam Tiger Fund
- 08/2013 - 04/2016: Quản lý danh mục đầu tư Daragon Capital Group
- 05/2016 - nay: Giám đốc Turicum Investment Management AG.
- 06/2020 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Turicum Investment Management AG

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 162.500 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,23%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban Kiểm soát	19.350	0,03%
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	75	0,00%
3	Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	0	-

BÀ ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY Trưởng BKS

Ngày sinh: 11/05/1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 12/2015 - 11/2007: Kế toán Công ty TNHH SXTM Thép Đại Thiên Lộc.
- 12/2007 - 3/2011: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.
- 04/2011 - 04/2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 05/2017 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 07/2018 - nay: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 19.350 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,03%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ ĐOÀN HỒNG LAN

Thành viên BKS

Ngày sinh: 17/04/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 11/2006 - 01/2009: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 01/2009 - nay: Nhân viên Quản lý Nhân sự Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- 04/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 75 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,00%VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Lê Minh Thanh (chồng): 21.750 cổ phần, tỷ lệ sở hữu là 0,03%VĐL

ÔNG LÊ HOÀNG PHONG

Thành viên BKS

Ngày sinh: 01/01/1985

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- 2008-2014: Chuyên viên tư vấn Quản lý dự án Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 - Tập Đoàn Điện lực Việt Nam
- 09/2015 - Nay: Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn phụ trách Khoa Quản trị, Trường Đại học Luật TP.HCM
- 12/2020 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	532	100,00
1	Trên đại học	1	0,19
2	Đại học, cao đẳng	156	29,32
3	Trung cấp	55	10,34
4	Công nhân kỹ thuật	37	6,95
5	Lao động phổ thông	283	53,20
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	532	100,00
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	224	42,11
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	301	56,58
3	Hợp đồng theo thời vụ	07	1,31
C	Theo giới tính	532	100,00
1	Nam	467	87,78
2	Nữ	65	12,22

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số người lao động (người)	419	489	540	532
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.412.155	7.589.887	8.720.000	12.220.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về nhân sự

Công ty thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ lễ, phép, nghỉ khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Nhân viên được cấp đồng phục; máy tính cùng các thiết bị hỗ trợ văn phòng; phí công tác, bữa ăn trưa,... Tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, cùng nhiều chế độ khác.

Về đánh giá thành tích nhân viên

Việc đánh giá thành tích nhân viên được thực hiện định kỳ và theo ba tiêu chí: Kết quả công việc - Kỹ năng - Thái độ.

Thông qua đánh giá thành tích, cấp quản lý nhận diện được những nhân viên tiềm năng để đưa vào quy hoạch đội ngũ kế thừa, đồng thời lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên. Đây cũng là cơ sở để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.

Về phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Công ty cũng thường tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi du lịch hàng năm.

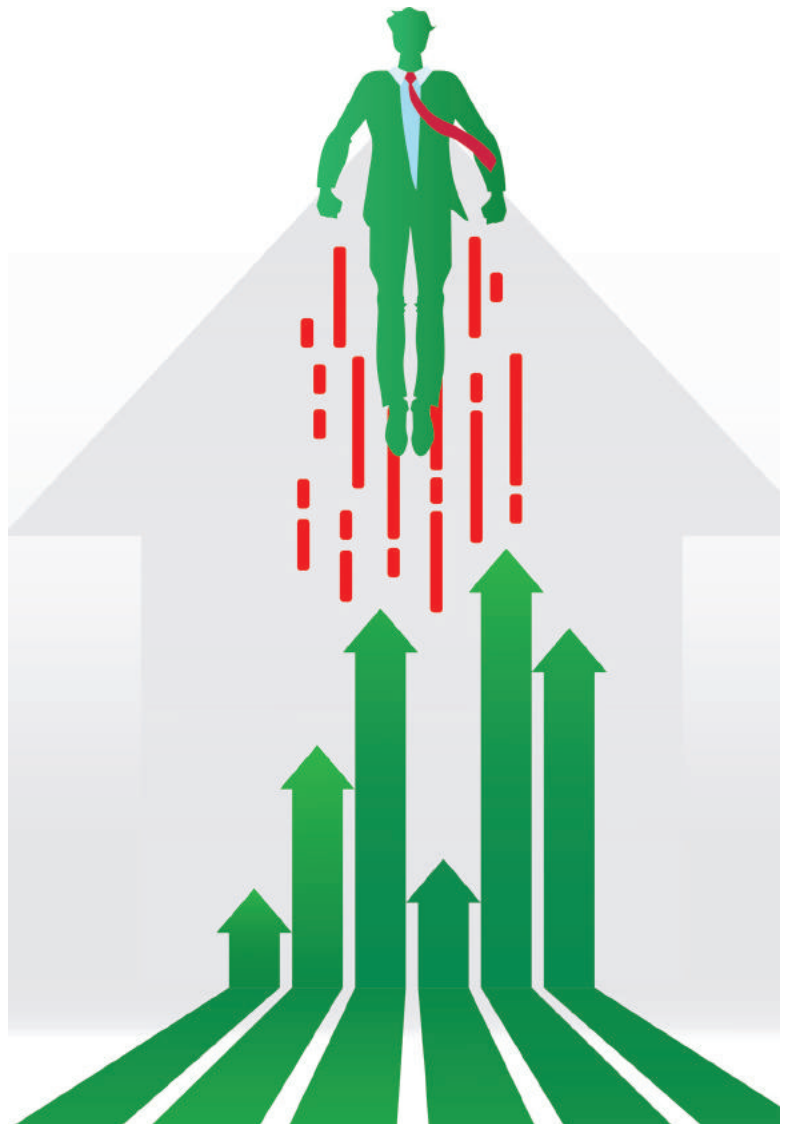
Về tiền lương, thưởng

DHC xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trong toàn Công ty. Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên. Về cơ bản, tại Công ty có các chế độ thưởng như sau:

- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật
- Thưởng người tốt việc tốt
- Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc
- Thưởng cho công trình sản phẩm mới
- Thưởng đột xuất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong kỳ.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

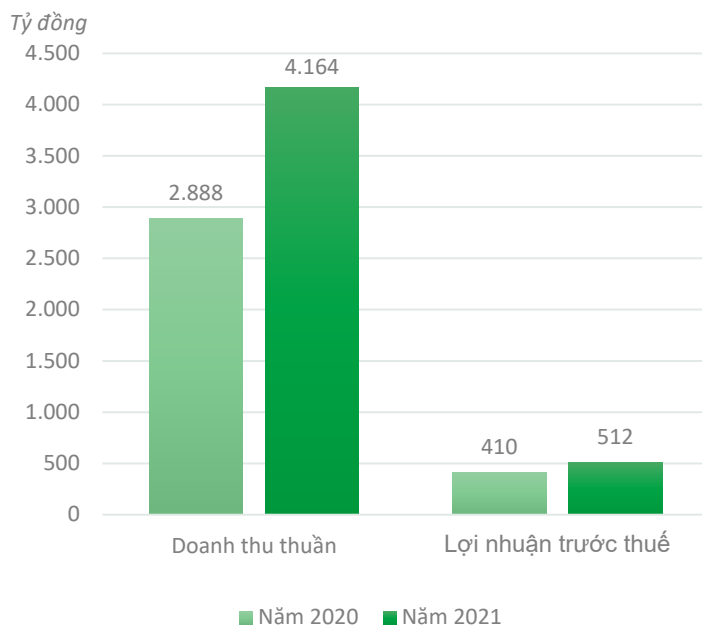
Tháng 07/2021, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre. Tổng số vốn đã góp là 150 tỷ đồng. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre sẽ đi vào hoạt động chính thức trong năm 2022.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%TH 2021/ TH2020
1	Tổng giá trị tài sản	2.284.329.017.296	2.401.267.067.536	105,12%
2	Doanh thu thuần	2.887.570.524.189	4.164.330.534.553	144,22%
3	Giá vốn hàng bán	2.339.353.334.338	3.491.679.314.664	149,26%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	406.818.736.316	508.543.998.282	125,01%
5	Lợi nhuận khác	3.241.809.423	3.020.284.246	93,17%
6	Lợi nhuận trước thuế	410.060.545.739	511.564.282.528	124,75%
7	Lợi nhuận sau thuế	391.923.587.886	481.340.230.615	122,81%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Vốn Điều lệ	50%	50%	



Các chỉ tiêu về tài chính như Tổng tài sản, Doanh thu thuần, Lợi nhuận trước thuế đều có mức tăng trưởng tốt trong năm 2021. Điểm đáng chú ý đó là sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Năm 2021, doanh thu thuần của Công ty tăng đến 44,22% so với năm 2020, điều này đến từ sự gia tăng sản lượng sản xuất và bán ra, giá giấy bán ra tăng. Bên cạnh đó, giá giấy nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí đầu vào của Công ty đã tăng mạnh trong năm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, giá vốn hàng bán trong năm cũng tăng 49,26%. Năm qua, đứng trước nhiều thách thức, Công ty vẫn duy trì hiệu quả kinh doanh khi lợi nhuận trước thuế ghi nhận tăng trưởng 24,75% so với năm trước.

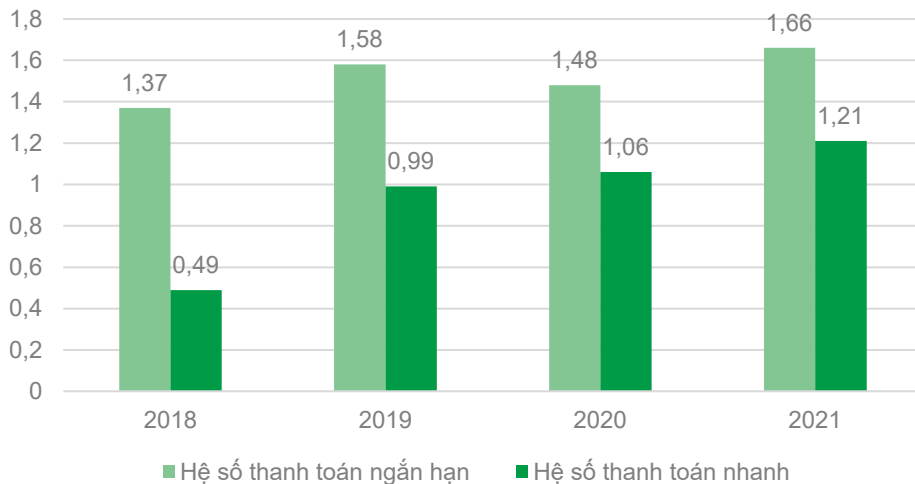
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,48	1,66
Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,06	1,21
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,93	29,32
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	63,76	41,49
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	7,48	11,01
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Vòng	1,31	1,78
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	13,57	11,56
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	31,19	31,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	17,82	20,55
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,09	12,21

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

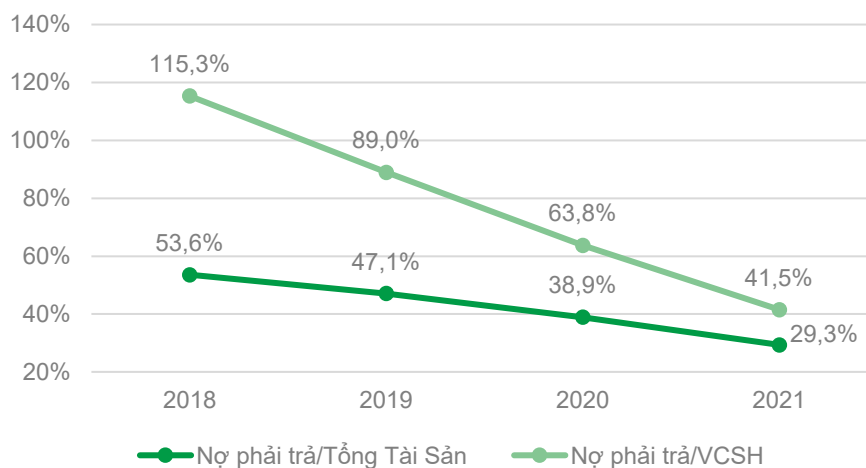
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2021 tăng so với năm 2020. Điều này là tích cực khi nguyên nhân đến từ việc tài sản ngắn hạn tăng nhẹ trong khi các khoản nợ ngắn hạn lại giảm.

Nhìn chung, các hệ số thanh toán trong năm 2021 duy trì trên mức 1, điều này đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty, cũng như đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của DHC.

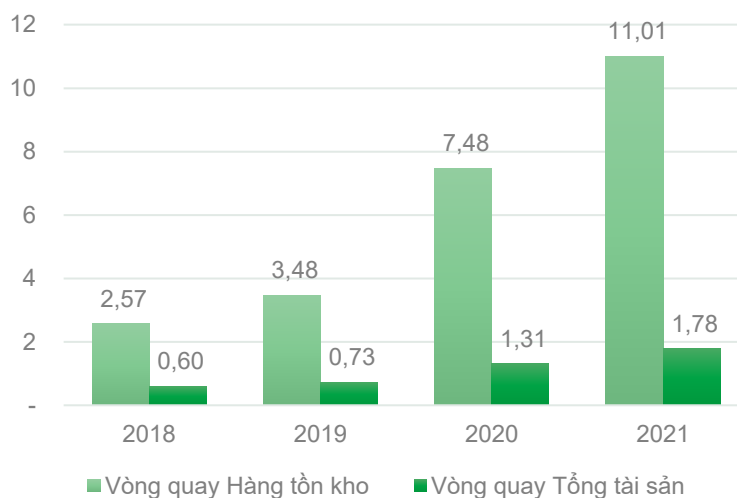
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



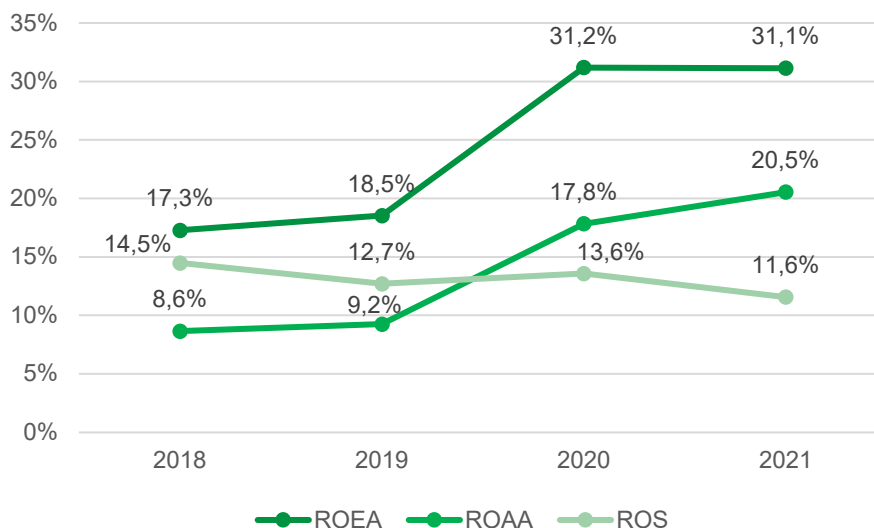
Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản và hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tiếp tục ghi nhận giảm trong năm 2021. Nợ phải trả của Công ty ghi nhận giảm dần qua các năm. Những năm về trước, DHC đã sử dụng phần lớn nợ vay để tài trợ cho nhà máy giấy Giao Long 2. Hiện tại, Công ty chỉ còn phải sử dụng nợ để dự trữ nguyên vật liệu đầu vào nhằm đủ đáp ứng việc sản xuất giấy kraft cũng như thành phẩm bao bì. Năm 2021, khoản vay dài hạn 145 tỷ đồng cũng đã được trả hết. Do đó, cơ cấu vốn của DHC hiện tại vẫn đang ở mức an toàn.

Năm 2021 ghi nhận các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của DHC tiếp tục tăng đáng kể. Trong đó vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản lần lượt đạt 11,01 và 1,78. Số liệu tại ngày 31/12/2021 cho thấy, giá vốn hàng bán đã tăng mạnh so với năm trước, nguyên nhân đến từ giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh trong năm 2021. Vòng quay tổng tài sản trong năm cũng tăng từ 0,6 lên đến 0,73 cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của DHC có sự tiến bộ hơn. Với xu hướng ngày càng gia tăng trong sử dụng giấy bao bì cho thương mại và xuất khẩu, kết hợp với sự hạn chế sản xuất tại Trung Quốc, mục tiêu của Công ty tập trung vào giấy kraft và carton là phù hợp với xu hướng này. Hiệu quả hoạt động đã thể hiện rõ trong năm 2020 và 2021.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2021, tỷ suất sinh lợi của Công ty tiếp tục duy trì ở mức cao như năm 2020. Các chỉ tiêu ROEA, ROAA, ROS lần lượt là 31,1%, 20,5% và 11,6%. Chi tiết cho thấy, hệ số ROS giảm 2%, trong khi đó, ROEA gần như duy trì và ROAA lại tăng 2,7% vào năm nay. Trước áp lực giá nguyên vật liệu đầu vào diễn biến tăng mạnh trong năm 2021, tỷ suất sinh lợi ở mức cao là một thành công lớn đối với doanh nghiệp. Cụ thể, giá vốn hàng bán đã tăng mạnh đến 49,3% từ 2.339 tỷ đồng năm 2020 lên 3.491 tỷ đồng vào năm nay. Tuy vậy, doanh thu thuần cũng đã gia tăng đáng kể, từ 2.887 tỷ đồng lên 4.163 tỷ đồng, tương đương 44,2%. Điều này đã giúp lợi nhuận gộp của công ty tăng 124 tỷ đồng so với năm ngoái.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
69.994.423 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
69.994.423 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng/ cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 29 tháng 11 năm 2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	0	0	0%
II	Cổ đông trong nước	42.327.511	423.275.110.000	60,47%
1	Cá nhân	39.418.526	394.185.260.000	56,32%
2	Tổ chức	2.908.985	29.089.850.000	4,15%
III	Cổ đông nước ngoài	27.666.912	276.669.120.000	39,53%
1	Cá nhân	522.193	5.221.930.000	0,75%
2	Tổ chức	27.144.719	271.447.190.000	38,78%
Tổng cộng (I+II+III)		69.994.423	699.944.230.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 49%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	KWE Beteiligungen AG	9.723.407	13,89%
2	Ông Lương Văn Thành	6.688.000	9,56%
3	Ông Lê Bá Phương	5.625.009	8,04%
4	Bà Nguyễn Thị Thủy	4.575.000	6,54%
5	KIM Vietnam Growth Equity Fund	3.736.000	5,34%
6	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	3.723.758	5,32%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2021, Dohaco đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2020 với tỷ lệ 25%. Từ đó, nâng tổng số vốn điều lệ từ 559.957.830.000 đồng lên 699.944.230.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG



Đối với chất thải sinh hoạt

Tổng lượng công nhân tham gia làm việc tại Nhà máy hiện nay là 431 người. Theo thống kê thì khối lượng rác sinh hoạt tại nhà máy khoảng 130 kg/ngày. Nhà máy đã bố trí đầy đủ số lượng thùng chứa rác sinh hoạt tại những khu vực như: căn tin, phòng làm việc,... đảm bảo thu gom hết toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

Bên cạnh đó nhà máy cũng đã ký hợp đồng thu gom với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Lượng rác thải sinh hoạt được thu gom cùng với rác thải sản xuất không nguy hại. Nhìn chung tại thời điểm khảo sát thì khuôn viên nhà máy là sạch sẽ và đảm bảo mỹ quan. Tính đến thời điểm hiện tại thì Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Bến Tre để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với rác thải sản xuất

Theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP, khối lượng phát sinh chất thải trong sản xuất tại hai nhà máy là khá lớn. Trung bình mỗi ngày phát sinh 68 tấn rác công nghiệp thông thường. Công tác thu gom, vận chuyển rác sản xuất từ khu vực sản xuất về kho chứa được nhân viên thực hiện thường xuyên, không để ứ đọng rác tại nơi làm việc. Nhà máy đã tiến hành ký Hợp đồng số 26/VXQN-ĐHBT từ ngày 1/1/2020 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Xanh QN thu gom và xử lý khối lượng rác thải sản xuất không nguy hại tại hai nhà máy. Hợp đồng mới số 68/2022 VXQN-ĐHBT ngày 31/12/2021 đã được ký, cho thấy sự duy trì hợp tác trên cho tới hiện tại. Nhìn chung, công tác thu gom và xử lý rác sản xuất không nguy hại tại nhà máy được diễn ra thường xuyên, đơn vị thu gom xử lý đảm bảo đầy đủ tính pháp lý theo quy định hiện hành.

Đối với rác thải nguy hại

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 476 kg/ngày. Hiện tại, chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được thu gom định kỳ 1 lần/tuần, phần rác nguy hại chưa thu gom về kho chứa chất thải nguy hại phát sinh được sơn kẻ ô phân loại cho từng loại rác nguy hại. Bên cạnh đó thì nhà máy cũng thường xuyên kiểm tra kho chứa, đảm bảo tuân thủ đúng theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. Khối lượng chất thải nguy hại đã được nhà máy ký hợp đồng số 262020/HDXL.CLĐH ngày 09/3/2020 với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý để thu gom và xử lý. Đây là đơn vị có đầy đủ chức năng trong thu gom - vận chuyển - xử lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành. Khi hợp đồng hết hạn, Công ty cũng đã tiếp tục ký hợp đồng mới với đơn vị này ngày 09/03/2022. Bên cạnh đó thì nhà máy còn định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý về tình hình thu gom, lưu trữ và xử lý rác thải nguy hại theo đúng quy định. Thống kê chủng loại, khối lượng theo đúng loại chất thải đã đăng ký tại sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Trong năm 2021, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch. Không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe trong phạm vi hoạt động.

QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2021, tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là trên 370.000 tấn.

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu của DHC là giấy OCC (Old Corrugated Container) hay còn được gọi là giấy thùng carton cũ. Bản thân nó đã là một loại vật liệu tái chế. Nguồn cung chủ yếu của Công ty đến từ nhập khẩu.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ TIÊU THỤ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng lượng năng lượng tiêu thụ	kwh	107.060.226
2	Tổng lượng nước sử dụng	m ³	1.646.178
3	Lượng năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến về sử dụng năng lượng hiệu quả (*)	kwh/tháng	87.638
4	Lượng nước tiết kiệm thông qua các sáng kiến về sử dụng nước hiệu quả (*)	m ³ /ngày	79,3

Nguồn năng lượng được Công ty sử dụng chủ yếu là điện và hơi được thu mua từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công. Sử dụng có hiệu quả các loại năng lượng là một trong những nội dung phát triển bền vững của Công ty. Dohaco đã có những chính sách, hành động để có thể thực hiện được điều này. Công ty thực hiện tổ chức các đợt kiểm tra, thẩm định định kỳ các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển; thực hiện bảo trì, sửa chữa các hỏng hóc để các tài sản đạt hiệu suất tốt nhất; tiến hành thay thế các thiết bị đã quá lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng mà không cho hiệu quả cao. Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng...

Công ty nhận thức được nguồn nước là tài nguyên có giới hạn. Dohaco luôn trân trọng giá trị của tài nguyên này và phổ biến việc sử dụng hợp lý đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty, góp phần vào công tác bảo vệ nguồn nước chung của Việt Nam và thế giới. Công ty đã thực hiện kiểm tra các rò rỉ của hệ thống nước, khắc phục nhanh chóng các hư hỏng sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như đầu vòi sen có dòng chảy chậm, vòi rửa với cơ chế ngắt tự động.

(*): hiệu quả này là từ các sáng kiến tính được lượng năng lượng và lượng nước tiết kiệm, không phải là tổng năng lượng và lượng nước tiết kiệm được.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dohaco luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại các nhà máy cũng như văn phòng làm việc.

Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ thế, Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, các hoạt động tuyên truyền luôn được thực hiện.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng nhân sự DHC tính đến ngày 31/12/2021 là 532 người. Thu nhập bình quân năm 2021 là 12.220.000 đồng/người/tháng.

Công ty luôn đảm bảo ổn định việc làm cho 100% người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho tất cả cán bộ công nhân tại Công ty như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. Ngoài ra, Công ty còn có Công đoàn thường xuyên quan tâm, trợ cấp cho người lao động khi gia đình gặp khó khăn, ốm đau,... cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao du lịch, nghỉ mát,... nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Hoạt động đào tạo cán bộ nhân viên luôn được công ty chú trọng thường xuyên qua các năm. Trước tình hình dịch bệnh kéo dài trong năm vừa qua, các hoạt động của công ty đều bị ảnh hưởng, từ sản xuất kinh doanh đến công tác triển khai các hoạt động đào tạo. Chính vì thế, việc tổ chức đào tạo trong năm đã không thể diễn ra như bình thường. Tuy nhiên, trong thời gian tới, khi tình hình dịch bệnh được ổn định, công tác đào tạo cán bộ nhân viên sẽ được tiếp tục và duy trì.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

STT	Các hoạt động trong năm 2021	Số tiền đóng góp
1	Chi ủng hộ hoạt động phòng chống dịch Coivd-19 - Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre	1.000.000.000
2	Tài trợ Sở y tế tỉnh Bến Tre 20 máy oxy dòng cao tích hợp SPO2	1.580.000.000
3	Ủng hộ quà tết cho gia đình chính sách, hộ nghèo gặp khó khăn	70.000.000
4	Chi tiền hỗ trợ quà cho hoàn cảnh dự chương trình trực tiếp truyền hình "Tri ân những tấm lòng nhân ái " lần thứ VII năm 2021 - Hội Chữ Thập Đỏ tỉnh Bến Tre	75.000.000
5	Chi tiền ủng hộ nhân dịp tết Nguyên Đán năm 2021	47.000.000
6	Hỗ trợ UBND huyện Mỏ Cày Nam mua dụng cụ học trực tuyến cho học sinh	100.000.000



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG
LAI**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN
TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ
HỘI CỦA CÔNG TY**



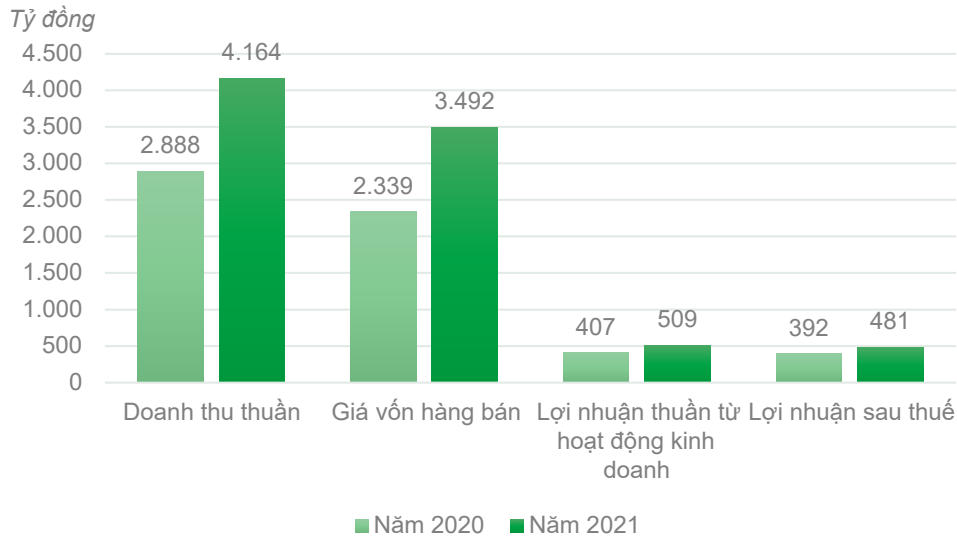
Dohaco®



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, doanh thu thuần công ty đạt 4.164 tỷ đồng, tăng 44,2% so với năm 2020 và vượt 9,6% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 481 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2020 và vượt 7% so với kế hoạch.



Những thuận lợi và khó khăn đó là:

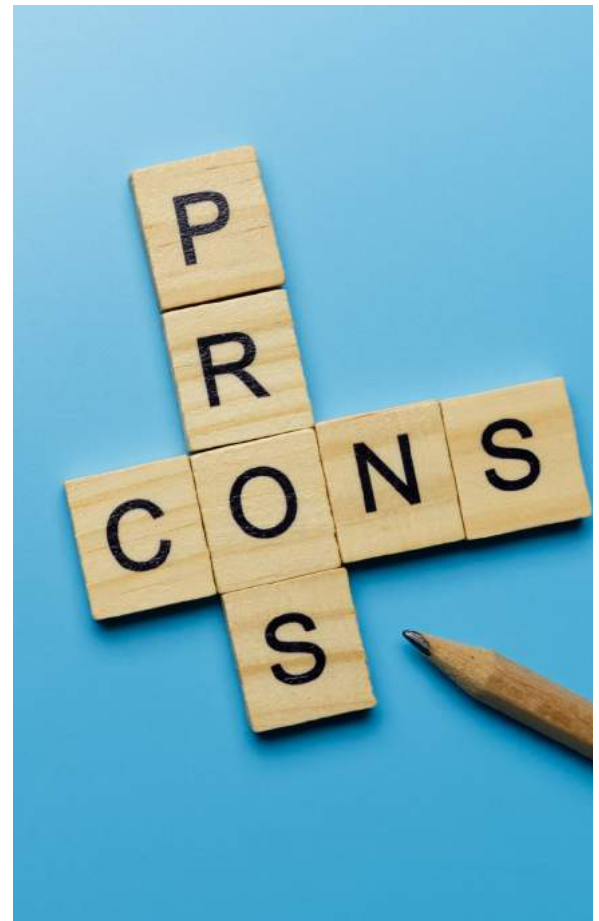
Thuận lợi:

Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA) làm thuế nhập khẩu túi nhựa của Việt Nam vào EU với mức thuế 3% được gỡ bỏ, làm tăng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp bao bì Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường EU.

Nhà máy giấy mới đi vào hoạt động đã giúp năng lực sản xuất của DHC tăng vượt trội. Với vị trí ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi tập trung và phát triển mạnh các ngành sản xuất công nghiệp và chế biến thực phẩm, dược phẩm và nông sản cần phải sử dụng bao bì để đóng gói vận chuyển.

Khó khăn:

Tình hình dịch bệnh Covid – 19 vẫn tiếp tục trong năm 2021 là một thách thức lớn cho doanh nghiệp. Chuỗi cung ứng, vận chuyển toàn cầu bị tắc nghẽn khiến chi phí vận chuyển tăng. Giá nguyên vật liệu đầu vào cũng tăng mạnh khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Công ty thực hiện phương án “4 tại chỗ” để tiếp tục duy trì sản xuất nên làm phát sinh một số chi phí có liên quan.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

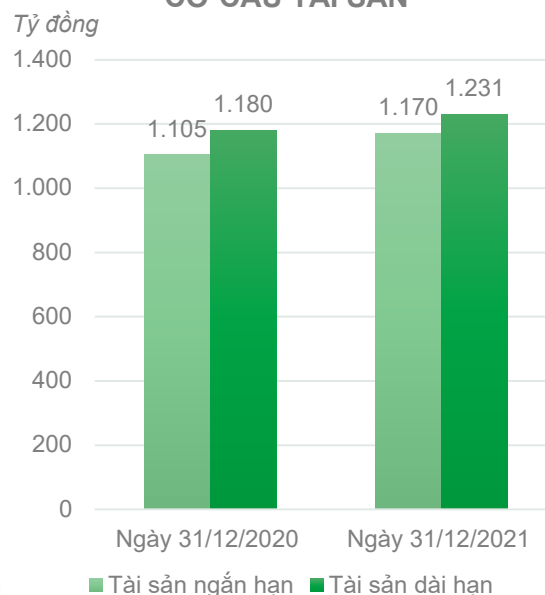
Tình hình tài sản

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	±%2021/ 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Tài sản ngắn hạn	1.104.660.314.544	1.170.473.262.002	5,96%	48,36%	48,74%
Tài sản dài hạn	1.179.668.702.752	1.230.793.805.534	4,33%	51,64%	51,26%
Tổng tài sản	2.284.329.017.296	2.401.267.067.536	5,12%	100,00%	100,00%

Tính tại thời điểm ngày 31/12/2021, Tổng tài sản của Công ty tăng 5,12% so với thời điểm cuối năm 2020. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đã tăng 5,96%. Biến động lớn đến từ sự giảm mạnh Tiền và tương đương tiền 104 tỷ đồng và tăng mạnh khoản phải thu ngắn hạn khách hàng 134 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 4,33% chủ yếu đến từ sự gia tăng chi phí xây dựng dở dang, tăng 137 tỷ đồng từ 18 tỷ đồng cuối năm 2020.

CƠ CẤU TÀI SẢN



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, kiến trúc	392.636.946.524	288.671.495.477	73,52%
Máy móc, thiết bị	1.057.952.278.961	729.908.091.762	68,99%
Phương tiện vận tải	51.693.079.189	25.049.181.772	48,46%
Thiết bị văn phòng	11.248.203.961	7.577.967.299	67,37%
TSCĐ khác	193.710.000	-	-
Cộng	1.513.724.218.635	1.051.206.736.310	69,45%

ĐVT: đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy tính	82.602.450	-	-
TSCĐ khác	811.731.800	328.044.275	40,41%
Cộng	894.334.250	328.044.275	36,68%

TSCĐ hữu hình vẫn chiếm chủ yếu trong cơ cấu tài sản dài hạn.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	%2021/ 2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Nợ ngắn hạn	744.384.700.833	704.171.341.216	-5,40%	83,70%	100,00%
Nợ dài hạn	145.000.000.000	-	-100,00%	16,30%	0,00%
Tổng nợ phải trả	889.384.700.833	704.171.341.216	-20,82%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải trả trong năm 2021 giảm 20,82% so với năm 2020. Trong đó, khoản nợ dài hạn còn lại là 145 tỷ đồng đã trả hết trong kỳ. Đối với Nợ ngắn hạn, khoản phải trả ngắn hạn người bán giảm mạnh hơn 103 tỷ đồng so với đầu năm. Và khoản vay ngắn hạn cũng tăng 80 tỷ đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục duy trì Hệ thống quản lý chất lượng – môi trường ISO 9001:2015 và 14001:2015.

Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên, phù hợp với từng vị trí công việc. Việc tuyển dụng vẫn tiếp tục duy trì để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thoải mái, an toàn, quan tâm và chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Đặc biệt, trong giai đoạn giãn cách xã hội, với phương án “4 tại chỗ”, Công ty đã cố gắng hoàn thành mục tiêu kép khi đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất mà vẫn ổn định được đời sống của các công nhân tại các nhà máy.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.900
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	450

Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	%	5% LNST
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	%	2% LNST
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	Dự kiến 30% VĐL

Kế hoạch đầu tư 2022:

Hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Hải	Tỷ đồng	250
Công ty Cổ phần sản xuất giấy	Tỷ đồng	1.000

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất giấy. Đây là một ngành có nhiều yếu tố tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất. Chính vì vậy, công tác xử lý rác thải các loại, cũng như tối ưu hóa quá trình sản xuất trong các nhà máy nhằm đảm bảo môi trường trong và ngoài các nhà máy luôn an toàn, sạch sẽ luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nói chung và Ban điều hành nói riêng. Công ty có kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền, qua đó thảo luận, đề xuất các biện pháp cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn. Tại khu vực văn phòng, Công ty tổ chức phân loại chất thải để từng người lao động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định và tổ chức khám sức khỏe định kỳ.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn chú trọng đến các chính sách hỗ trợ địa phương như: Thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học tại địa phương, thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện... nhằm giúp đỡ cộng đồng, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội lâu dài và bền vững. Trong giai đoạn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid – 19, Công ty đã trang bị đầy đủ các vật liệu y tế cần thiết như khẩu trang, nước diệt khuẩn...đồng thời cập nhật tin tức liên tục từ Bộ Y tế về các vấn đề liên quan đến dịch bệnh và tuyên truyền đầy đủ cho cán bộ công nhân viên.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC
MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ
ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI
TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT
ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**



DOHACO®



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá chung

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn với doanh nghiệp khi tình hình dịch Covid – 19 kéo dài, gây tác động tiêu cực cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. Để khắc phục khó khăn đó, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty luôn tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện tốt vai trò trách nhiệm trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành.

Tháng 12 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết thay đổi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Cụ thể, Nghị quyết thông qua tăng doanh thu kế hoạch từ 3.500 tỷ đồng lên 3.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế kế hoạch tăng lên 450 tỷ đồng so với kế hoạch đề ra là 399 tỷ đồng tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Điều này cho thấy sự tự tin vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bất chấp khó khăn từ nền kinh tế nói chung và ngành công nghiệp sản xuất giấy nói riêng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	%TH2021/ KH2021	%TH2021/ TH2020
Doanh thu thuần	2.887,6	3.800	4.164,3	109,59%	144,21%
Lợi nhuận sau thuế	391,9	450	481,3	106,96%	122,81%

Tính đến ngày 31/12/2021, doanh thu thuần đạt 4.164,3 tỷ đồng, tăng 44,21% so với năm 2020 và vượt 9,59% so với kế hoạch đề ra cho năm 2021. Lợi nhuận sau thuế cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, LNST năm 2021 đạt 481,3 tỷ đồng tăng 22,81% so với năm 2020 và vượt 6,96% kế hoạch đề ra. Đây là những kết quả đáng khích lệ đối với đội ngũ ban lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV. Tiếp nối năm 2020, Công ty đã tiếp tục vươn lên mạnh mẽ bất chấp tình hình căng thẳng kéo dài của đại dịch Covid -19.

Đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp giấy, Dohaco luôn ý thức được những tác động của quá trình sản xuất lên môi trường xung quanh. Chính vì thế, Hội đồng Quản trị luôn định hướng và thống nhất tầm nhìn hoạt động với Ban Tổng Giám đốc trong các vấn đề liên quan đến môi trường và xã hội.

Bên cạnh những vấn đề liên quan đến môi trường, các hoạt động xã hội cũng được công ty chú trọng. Hằng năm, Công ty luôn tham gia đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ địa phương. Năm 2021 là một năm đầy khó khăn khi tình hình đại dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp. Qua đó, Dohaco cũng đã tham gia chung tay đóng góp cùng địa phương, tài trợ cho công tác phòng chống dịch bệnh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện các nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Đội ngũ lãnh đạo luôn gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong Điều lệ Công ty, theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã đề ra. Năm 2021, trước tình hình diễn biến phức tạp kéo dài của dịch Covid – 19, Ban Tổng Giám đốc vẫn luôn cố gắng nỗ lực, chủ động và kịp thời đưa ra những giải pháp phù hợp, nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, Tổng giám đốc đã có ý kiến gửi Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN
LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN
GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



DOHACO®



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
01	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT	16	100%
02	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	16	100%
03	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	16	100%
04	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	16	100%
05	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	16	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức 16 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	18/01/2021	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2020, năm 2020 và mục tiêu kế hoạch Quý 1 năm 2021.
02	02/NQ-HĐQT	18/01/2021	Thông nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Tân Cảng Giao Long.
03	03/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông nhất vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM.
04	04/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2021 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2021.
05	05/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông nhất phê duyệt đề nghị chi khen thưởng CĐCNV có sáng kiến và cải tiến mang lại hiệu quả cho Công ty.
06	06/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông nhất phê duyệt danh sách chi thưởng Ban điều hành Công ty. Thông nhất phê duyệt danh sách chi thưởng HĐQT & BKS.
07	07/NQ-HĐQT	29/03/2021	Thông nhất vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam.
08	08/NQ-HĐQT	29/03/2021	Thông nhất phê duyệt Tờ trình 02/TT-HĐQT ngày 29/03/2021 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/04/2021.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
09	09/NQ-HĐQT	28/04/2021	Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2021 chậm nhất là ngày 30/06/2021.
10	10/NQ-HĐQT	06/05/2021	Thông qua việc góp thêm vốn vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
11	11/NQ-HĐQT	06/05/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
12	12/NQ-HĐQT	06/05/2021	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2021 và mục tiêu kế hoạch quý 2/2021.
13	13/NQ-HĐQT	20/05/2021	Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.
14	14/NQ-HĐQT	31/05/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
15	15/NQ-HĐQT	31/05/2021	Thông qua nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
16	16/NQ-HĐQT	21/06/2021	Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
17	17/NQ-HĐQT	21/06/2021	Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
18	18/NQ-HĐQT	25/06/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và triển khai thực hiện phương án phát hành.
19	19/NQ-HĐQT	01/07/2021	Thông qua việc góp thêm vốn vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
20	20/NQ-HĐQT	01/07/2021	Thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
21	21/NQ-HĐQT	12/07/2021	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nhận cổ tức năm 2020.
22	22/NQ-HĐQT	12/07/2021	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nhận tạm ứng cổ tức năm 2021.
23	23/NQ-HĐQT	01/08/2021	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2021 và mục tiêu kế hoạch quý 3/2021.
24	24/NQ-HĐQT	01/08/2021	Thống nhất phê duyệt Tờ trình 05/TT-HĐQT ngày 01/08/2021 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/08/2021.
25	25/NQ-HĐQT	24/08/2021	Đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty.
26	26/NQ-HĐQT	11/11/2021	Ban hành quy chế công bố thông tin.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
27	27/NQ-HĐQT	11/11/2021	Thông nhất việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
28	28/NQ-HĐQT	11/11/2021	Thông nhất vay vốn tại Ngân hàng The Siam Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM
29	29/NQ-HĐQT	11/11/2021	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2021 và mục tiêu kế hoạch quý 4/2021.
30	30/NQ-HĐQT	24/11/2021	Thông nhất nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
31	31/NQ-HĐQT	21/12/2021	Ban hành Điều lệ công ty sửa đổi.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hiện nay, Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà HĐQT phân công các thành viên phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự và đầu tư phát triển công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự
01	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	4	100%
02	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	4	100%
03	Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên	4	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/BBH - BKS/2021	02/05/2021	Thảo luận và thống nhất thông qua Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2020 trình ĐHĐCĐ năm 2021.
02	02/BBH - BKS/2021	31/05/2021	Thảo luận và thống nhất thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2021.
03	03/BBH - BKS/2021	25/06/2021	Thảo luận và thống nhất thông qua báo cáo hoạt động 06 tháng đầu năm 2021.
04	04/BBH - BKS/2021	27/12/2021	Thảo luận và thống nhất thông qua báo cáo hoạt động 06 tháng cuối năm 2021.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

BKS Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh. BKS đã trao đổi và thống nhất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác về nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty và luôn nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

Tham gia kiểm kê tồn kho 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2021, kiểm kê TSCĐ.

Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2021	Ghi chú
01	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó TGD	1.994.777.156	Bao gồm lương, thù lao, thưởng HĐQT/BĐH
02	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/TGD	2.473.464.350	Bao gồm lương, thù lao, thưởng HĐQT/BĐH
03	Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó TGD	1.366.873.900	Bao gồm lương, thù lao, thưởng HĐQT/BĐH
04	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	342.000.000	Bao gồm thù lao, thưởng HĐQT
05	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	342.000.000	Bao gồm thù lao, thưởng HĐQT
06	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	138.000.000	Bao gồm thù lao, thưởng HĐQT
07	Ông Nguyễn Phan Dũng (từ nhiệm 07/2020)	Thành viên HĐQT	75.000.000	Thu nhập HĐQT năm 2020
08	Ông Tatsuyuki Ota (Từ nhiệm 07/2020)	Thành viên HĐQT	75.000.000	Thu nhập HĐQT năm 2020
09	Bà Lê Thị Hoàng Huệ	Kế toán trưởng	979.362.704	Bao gồm lương, thù lao, thưởng HĐQT/BĐH
10	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	66.000.000	Bao gồm thù lao, thưởng BKS
11	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	185.183.141	Bao gồm lương, thù lao, thưởng BKS
12	Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên BKS	37.000.000	Bao gồm thù lao, thưởng BKS

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Lương Văn Thành	CT. HĐQT/Phó TGĐ	3.988.000	7,12%	6.688.000	9,56%	Mua/Cổ tức
02	Nguyễn Hùng Minh	Người có liên quan của ông Lương Văn Thành	234.919	0,42%	0	0%	Bán
03	Lê Bá Phương	Phó CT HĐQT/TGĐ	4.500.008	8,04%	5.625.009	8,04%	Cổ tức
04	Nguyễn Thị Thủy	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	3.500.000	6,25%	4.575.000	6,54%	Mua/ Cổ tức
05	Trương Văn Bình	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	32.093	0,06%	40.125	0,06%	Mua/ Cổ tức
06	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	2.150.007	3,84%	3.723.758	5,32%	Mua/ Cổ tức
07	Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	2.895.308	5,17%	3.219.135	4,6%	Bán/ Cổ tức
08	Marco Marti-nelli	Thành viên HĐQT	130.000	0,23%	162.500	0,23%	Cổ tức
09	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	15.480	0,03%	19.350	0,03%	Cổ tức
10	Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	2.060	0,004%	75	0,00%	Bán/ Cổ tức
11	Lê Minh Thanh	Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan	28.000	0,05%	21.750	0,03%	Bán/ Cổ tức
12	Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc	220.608	0,39%	248.010	0,35%	Bán/ Cổ tức
13	Lê Thị Hoàng Huệ	Kế toán trưởng/ Người CBTT	55.807	0,1%	69.758	0,1%	Cổ tức
14	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	Người phụ trách quản trị	26.400	0,05%	23.050	0,04%	Bán/ Cổ tức
15	Lê Thạnh Ngãi	Người có liên quan của bà Nguyễn Ngọc Tố Uyên	3.000	0,005%	0	0%	Bán

QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
01	Công ty CP Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	1300990134 12/08/2015 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Số 126, Ấp Long Thạnh, Giao Long, Châu Thành, Bến Tre	Năm 2021	02/NQ-HĐQT ngày 18/01/2021	Mua hàng hóa và dịch vụ Tổng GTGD: 16.734.544.040 đồng
02	Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	Công ty con	1301091115 28/04/2020 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô A1V-8, A1V-9, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	Năm 2021	10/NQ-HĐQT ngày 6/5/2021 19/NQ-HĐQT ngày 1/7/2021	Góp vốn Tổng GTGD: 100.000.000.000 đồng

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021



DOHACO®



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI
BẾN TRE

DONGHAI JOINT STOCK
COMPANY OF BEN TRE

Số/No.: 36/CV - CTĐH

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2022
Bentre, March 30th, 2022

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE/
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DHC
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô AIII, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu
Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam/ Lot AIII, Giao Long Industrial Zone, An Phuoc Ward,
Chau Thanh District, Ben Tre Province, Viet Nam.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0275.3635739
- Fax: 0275.3635222
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Lê Bá Phương/ Mr Le Ba Phuong
Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ General Director

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán (đính kèm báo cáo giải trình) / *Audited
consolidated financial report for the year 2021 (Representation Report enclosed).*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2022
tại đường dẫn : www.dohacobentre.com.vn

*This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 30/03/2022 Available at:
www.dohacobentre.com.vn*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally
responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/Attachment:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021
đã kiểm toán/ *Audited consolidated
financial report for the year 2021.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR



Lê Bá Phương

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 1 1 1



Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên
Ông Marco Marinelly	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61519127/22631373-FN/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

100%
RÁC
RN

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Đinh Anh Thư
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4635-2018-004-1

081
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
ERNST &
YOUNG
VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.170.473.262.002	1.104.660.314.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	98.169.465.231	202.090.986.015
111	1. Tiền		58.169.465.231	92.090.986.015
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		44.057.024.062	9.012.854.795
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	44.057.024.062	9.012.854.795
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		666.640.320.157	563.827.639.939
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	662.711.851.543	528.621.938.967
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	11.196.292.903	39.381.158.252
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		266.410.498	2.988.264.967
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.534.234.787)	(7.163.722.247)
140	IV. Hàng tồn kho		319.899.570.440	314.660.752.705
141	1. Hàng tồn kho	9	319.899.570.440	314.660.752.705
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		41.706.882.112	15.068.081.090
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.348.622.483	13.787.430.547
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		37.358.259.629	1.280.650.543
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.230.793.805.534	1.179.668.702.752
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.870.638.109	8.296.563.622
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	2.870.638.109	7.796.563.622
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	500.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.051.534.780.585	1.135.508.658.285
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.051.206.736.310	1.135.232.128.610
222	Nguyên giá		1.513.724.218.635	1.496.759.041.299
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(462.517.482.325)	(361.526.912.689)
227	2. Tài sản cố định vô hình		328.044.275	276.529.675
228	Nguyên giá		894.334.250	759.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(566.289.975)	(482.804.575)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		155.573.306.941	18.342.150.678
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	155.573.306.941	18.342.150.678
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		4.966.796.824	4.531.631.286
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	4.966.796.824	4.531.631.286
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.848.283.075	12.989.698.881
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	15.737.906.752	12.989.698.881
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		110.376.323	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.401.267.067.536	2.284.329.017.296

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		704.171.341.216	889.384.700.833
310	I. Nợ ngắn hạn		704.171.341.216	744.384.700.833
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	305.301.684.878	408.814.919.189
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		821.102.852	2.110.769.973
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.865.398.942	14.752.240.513
314	4. Phải trả người lao động		20.775.298.271	17.988.892.031
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	975.359.409	7.803.334.674
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	109.090.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.340.293.983	2.623.698.422
320	8. Vay ngắn hạn	18	370.769.353.807	290.181.755.122
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		213.758.165	-
330	II. Nợ dài hạn		-	145.000.000.000
338	1. Vay dài hạn	18	-	145.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.697.095.726.320	1.394.944.316.463
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.697.095.726.320	1.394.944.316.463
411	1. Vốn cổ phần		699.944.230.000	559.957.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		699.944.230.000	559.957.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		58.837.320.462	39.241.141.068
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		703.066.240.055	560.497.409.592
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		249.723.900.940	168.573.821.706
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		453.342.339.115	391.923.587.886
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.401.267.067.536	2.284.329.017.296


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng

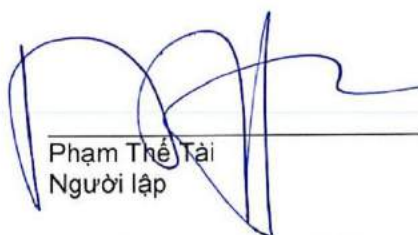

Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.164.826.385.369	2.887.713.712.689
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(495.850.816)	(143.188.500)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.164.330.534.553	2.887.570.524.189
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	(3.491.679.314.664)	(2.339.353.334.338)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		672.651.219.889	548.217.189.851
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	14.732.993.119	9.949.607.631
22	7. Chi phí tài chính	22	(17.141.484.680)	(40.710.822.367)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.763.593.086)	(38.736.882.563)
24	8. Phần lãi trong công ty kết	12	435.165.538	1.115.787.433
25	9. Chi phí bán hàng	23	(120.440.937.631)	(87.998.170.475)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(41.692.957.953)	(23.754.855.757)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		508.543.998.282	406.818.736.316
31	12. Thu nhập khác	25	3.119.005.663	3.995.596.254
32	13. Chi phí khác	25	(98.721.417)	(753.786.831)
40	14. Lợi nhuận khác	25	3.020.284.246	3.241.809.423
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		511.564.282.528	410.060.545.739
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(30.334.428.236)	(18.136.957.853)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		110.376.323	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		481.340.230.615	391.923.587.886
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		481.340.230.615	391.923.587.886
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	6.739	5.487
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	6.739	5.487


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bà Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

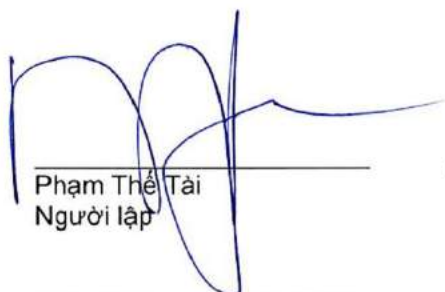
VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		511.564.282.528	410.060.545.739
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		102.514.672.239	105.221.930.762
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		370.512.540	(1.429.509)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		27.108.380	499.762.600
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.562.151.726)	(1.339.092.659)
06	Chi phí lãi vay	22	15.763.593.086	38.736.882.563
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		627.678.017.047	553.178.599.496
09	Tăng các khoản phải thu		(133.736.961.531)	(165.687.275.649)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.238.817.735)	(3.882.394.605)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(115.413.249.850)	171.576.370.257
12	Giảm chi phí trả trước		6.690.600.193	481.317.326
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.268.751.201)	(37.542.000.245)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.393.881.691)	(35.028.674.753)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.987.713.593)	(8.485.321.932)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		317.329.241.639	474.612.619.895
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(155.963.621.110)	(61.429.951.877)
22	Tiền thu thanh lý TSCĐ		122.921.818	3.955.984.755
24	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(35.034.250.796)	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		2.034.213.730	1.957.379.535
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(188.840.736.358)	(55.516.587.587)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.993.739.646.269	1.689.935.305.400
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(2.058.152.047.584)	(1.953.522.628.103)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	19.2	(167.987.349.000)	(109.752.566.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(232.399.750.315)	(373.339.888.703)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

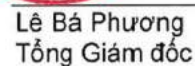
VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(103.911.245.034)	45.756.143.605
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		202.090.986.015	156.334.923.342
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(10.275.750)	(80.932)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	98.169.465.231	202.090.986.015


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bia, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 532 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 539).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre.

Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1301091115 do SKHĐT tỉnh Bến Tre cấp ngày 28 tháng 4 năm 2020. Trụ sở chính tại Lô AIV8, AIV9, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh bao bì carton.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện việc mua sắm và xây dựng tài sản mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	181.025.163	94.386.350
Tiền gửi ngân hàng	57.988.440.068	91.996.599.665
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	110.000.000.000
TỔNG CỘNG	98.169.465.231	202.090.986.015

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất là 2,9% mỗi năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại, và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 5,9% một năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam	133.873.584.119	55.320.591.810
- Công ty CP Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Hoàng Long	55.410.818.980	42.258.397.390
- Khác	473.427.448.444	431.042.949.767
TỔNG CỘNG	662.711.851.543	528.621.938.967
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.534.234.787)	(7.163.722.247)
GIÁ TRỊ THUẬN	655.177.616.756	521.458.216.720
Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	1.722.999.982	5.168.999.986
- Công Ty TNHH Vận Tải Trúc Lan Vy	947.145.000	1.473.045.000
- Khác	200.493.127	1.154.518.836
TỔNG CỘNG	2.870.638.109	7.796.563.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.163.722.247)	(7.165.151.756)
Dự phòng trích lập trong năm	(516.867.047)	(165.597.266)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>146.354.507</u>	<u>167.026.775</u>
Số cuối năm	<u>(7.534.234.787)</u>	<u>(7.163.722.247)</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bellmer Gapcon GMBH	5.267.760.335	3.080.665.632
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Trường Thịnh Global	1.372.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại	-	5.385.600.000
Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	-	24.914.892.620
Khác	<u>4.556.532.568</u>	<u>24.914.892.620</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.196.292.903</u>	<u>39.381.158.252</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	202.649.321.434	170.801.612.703
Hàng mua đang đi đường	69.783.584.077	118.030.934.411
Thành phẩm	46.630.662.864	25.366.883.251
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	525.512.695	347.013.233
Công cụ, dụng cụ	<u>310.489.370</u>	<u>114.309.107</u>
TỔNG CỘNG	<u>319.899.570.440</u>	<u>314.660.752.705</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.348.622.483	13.787.430.547
Phí bảo hiểm	2.159.505.100	1.977.937.314
Công cụ, dụng cụ	1.689.100.720	6.977.319.780
Chi phí sửa chữa	472.516.663	4.794.771.670
Khác	27.500.000	37.401.783
Dài hạn	15.737.906.752	12.989.698.881
Công cụ, dụng cụ	10.367.721.477	12.900.737.498
Tiền thuê đất trả trước	3.306.452.790	-
Khác	<u>2.063.732.485</u>	<u>88.961.383</u>
TỔNG CỘNG	<u>20.086.529.235</u>	<u>26.777.129.428</u>

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	389.981.573.151	1.055.822.450.217	44.503.734.644	6.257.573.287	193.710.000	1.496.759.041.299
Mua sắm mới	-	2.506.410.000	4.983.000.000	5.172.397.274	-	12.661.807.274
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.404.991.884	324.321.144	2.206.344.545	-	-	5.935.657.573
Thanh lý trong năm	(749.618.511)	(700.902.400)	-	(181.766.600)	-	(1.632.287.511)
Số cuối năm	392.636.946.524	1.057.952.278.961	51.693.078.189	11.248.203.961	193.710.000	1.513.724.218.635
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	14.652.413.604	60.874.629.290	3.858.514.960	1.483.114.275	193.710.000	81.062.382.129
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(82.397.403.117)	(255.787.078.510)	(20.353.045.928)	(2.795.675.134)	(193.710.000)	(361.526.912.689)
Khấu hao trong năm	(22.158.406.239)	(72.958.011.089)	(6.290.851.489)	(1.023.918.022)	-	(102.431.186.839)
Thanh lý trong năm	590.358.309	700.902.400	-	149.356.494	-	1.440.617.203
Số cuối năm	(103.965.451.047)	(328.044.187.199)	(26.643.897.417)	(3.670.236.662)	(193.710.000)	(462.517.482.325)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	307.584.170.034	800.035.371.707	24.150.688.716	3.461.898.153	-	1.135.232.128.610
Số cuối năm	288.671.495.477	729.908.091.762	25.049.181.772	7.577.967.299	-	1.051.206.736.310
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 18)	25.417.980.315	2.443.170.723	1.531.541.006	-	-	29.392.692.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nhà máy Bao bì	131.672.602.582	9.672.669.353
Hồ xử lý nguyên liệu - nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2	<u>23.900.704.359</u>	<u>8.669.481.325</u>
TỔNG CỘNG	<u>155.573.306.941</u>	<u>18.342.150.678</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long (*)	26%	<u>4.966.796.824</u>	26%	<u>4.531.631.286</u>
TỔNG CỘNG		<u>4.966.796.824</u>		<u>4.531.631.286</u>

(*) Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long được thành lập theo GCNĐKDN số 13009990134 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 12 tháng 8 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại Số 126, Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Bến Tre. Hoạt động chính trong năm hiện tại là cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.600.000.000</u>
Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	1.931.631.286
Phân lợi nhuận từ công ty liên kết	<u>435.165.538</u>
Số cuối năm	<u>2.366.796.824</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>4.531.631.286</u>
Số cuối năm	<u>4.966.796.824</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	305.128.182.878	402.043.539.189
- VIPA Lausanne SA	73.071.164.446	97.033.746.152
- Công ty CP Dịch Vụ Năng Lượng Thành Công	25.371.660.781	7.644.664.208
- Midan Global Limited	19.707.367.318	426.699.379
- America Chung Nam LLC	19.074.037.752	20.816.246.980
- Peute Papierrecycling BV	-	18.800.329.740
- Khác	167.903.952.581	257.321.862.730
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	173.502.000	6.771.380.000
TỔNG CỘNG	305.301.684.878	408.814.919.189

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.663.750.872	30.334.428.236	(36.393.881.691)	1.604.297.417
Thuế thu nhập cá nhân	251.574.270	13.051.596.185	(13.042.068.930)	261.101.525
Thuế giá trị gia tăng	6.836.915.371	469.823.982.083	(476.660.897.454)	-
Khác	-	933.832.047	(933.832.047)	-
TỔNG CỘNG	14.752.240.513	514.143.838.551	(527.030.680.122)	1.865.398.942

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	494.841.885	1.194.882.318
Chi phí xây dựng nhà máy Giao Long - Giai đoạn II	-	6.556.632.469
Khác	480.517.524	51.819.887
TỔNG CỘNG	975.359.409	7.803.334.674

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng môi giới	2.089.106.251	2.160.767.135
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	480.717.287	447.717.287
Khác	770.470.445	15.214.000
TỔNG CỘNG	3.340.293.983	2.623.698.422

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	290.181.755.122	1.993.739.646.269	(1.913.152.047.584)	370.769.353.807
Vay ngân hàng (*)	290.181.755.122	1.993.739.646.269	(1.913.152.047.584)	370.769.353.807
Vay ngắn hạn đến hạn phải trả	-	-	-	-
Vay dài hạn	145.000.000.000	-	(145.000.000.000)	-
Vay ngân hàng	145.000.000.000	-	(145.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	435.181.755.122	1.993.739.646.269	(2.058.152.047.584)	370.769.353.807

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	177.375.249.640	Từ ngày 19 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022	3,8 - 4	Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	136.080.204.057	Từ ngày 26 tháng 5 năm 2022 đến ngày 16 tháng 6 2022	3	Khoản phải thu trị giá ít nhất USD 7,500,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.926.164.830	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2022 đến ngày 8 tháng 4 năm 2022	3,8	Khoản phải thu từ Công ty TNHH Vina Sunwoo (Giá trị ước tính là 60.000.000.000 VND)
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.387.735.280	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2022 đến ngày 20 tháng 4 năm 2022	3,7	Khoản phải thu trị giá USD 5,000,000
TỔNG CỘNG	370.769.353.807			

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	559.957.830.000	235.247.935.803	30.161.760.258	293.784.520.840	1.119.152.046.901
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	391.923.587.886	391.923.587.886
Cổ tức công bố	-	-	-	(109.752.566.000)	(109.752.566.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.079.380.810	(9.079.380.810)	-
Trù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(3.631.752.324)	(3.631.752.324)
và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.747.000.000)	(2.747.000.000)
Số cuối năm	559.957.830.000	235.247.935.803	39.241.141.068	560.497.409.592	1.394.944.316.463
Trích quỹ đầu tư phát triển					
Năm nay					
Số đầu năm	559.957.830.000	235.247.935.803	39.241.141.068	560.497.409.592	1.394.944.316.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	481.340.230.615	481.340.230.615
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020	139.986.400.000	-	-	(139.986.400.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền năm 2020	-	-	-	(139.989.457.500)	(139.989.457.500)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021	-	-	-	(27.997.891.500)	(27.997.891.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.596.179.394	(19.596.179.394)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.838.471.758)	(7.838.471.758)
Trù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.363.000.000)	(3.363.000.000)
Số cuối năm	699.944.230.000	235.247.935.803	58.837.320.462	703.066.240.055	1.697.095.726.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	559.957.830.000	559.957.830.000
Tăng trong năm	139.986.400.000	-
Vốn góp cuối năm	<u>699.944.230.000</u>	<u>559.957.830.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	307.973.749.000	109.752.566.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (*)	(139.986.400.000)	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	(167.987.349.000)	-
- Cổ tức năm 2020 đã trả bằng tiền (*)	(139.989.457.500)	(109.752.566.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền (**)	(27.997.891.500)	-

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, cổ đông của Công ty đã phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% và bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông giá trị lần lượt là 139.989.457.500 VND và 139.986.400.000 VND. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông tăng lên 13.998.640 cổ phiếu từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và công ty đã hoàn tất việc niêm yết bổ sung vào ngày 1 tháng 9 năm 2021. Việc niêm yết bổ sung này đã được chấp thuận bởi SKHĐT Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 7 tháng 9 năm 2021.

(**) Vào ngày 13 tháng 10 năm 2021, Công ty đã chi tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% trị giá 27.997.891.500 VND theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2021, phù hợp với phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021.

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	69.994.423	55.995.783
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	69.994.423	55.995.783
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	69.994.423	55.995.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (liếp theo)

19.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	481.340.230.615	391.923.587.886
<i>Trừ:</i> Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(9.626.804.612)	(7.838.471.758)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	471.713.426.003	384.085.116.128
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (<i>cổ phiếu</i>)	69.994.423	55.995.783
Điều chỉnh hồi tố cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn	-	13.998.640
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh (<i>cổ phiếu</i>)	69.994.423	69.994.423
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND)	6.739	5.487

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

19.5 Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chào bán 3.445.977 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2.

Chi tiết đợt chào bán:

STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
2	Loại hình cổ phiếu	Cổ phiếu thường
3	Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	3.445.977 cổ phần
5	Số lượng cổ phiếu đã phân phối	3.445.977 cổ phần
6	Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu	62.027.586.000 VND
7	Tổng chi phí chào bán	199.158.300 VND
8	Tổng thu ròng từ đợt chào bán	61.828.427.700 VND
9	Ngày bắt đầu chào bán	5 tháng 12 năm 2018
10	Ngày hoàn thành đợt chào bán	16 tháng 1 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tiếp theo)

Tình hình sử dụng vốn:

	VND
<i>Các chi phí liên quan đến dự án</i>	<i>Số tiền</i>
Jiangsu Huadong Paper Machinery Co., Ltd	7.748.074.054
Công Ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Thuật Công Nghệ Yong Jia Yu Việt Nam	5.242.553.675
Công ty TNHH ABB	4.672.254.000
Andritz Technologies H.K.Limited	4.072.840.000
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng và Công Nghệ Môi Trường Dương Nhật	5.279.042.575
Andritz (China) Ltd	2.898.272.320
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Phú An Khang	2.857.503.373
Công ty TNHH Hệ Thống Thiết Bị UMW	2.063.820.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đại Hùng Cường	1.537.803.336
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Xây Dựng Minh Phát	1.610.707.887
Khác	23.845.556.480
TỔNG CỘNG	<u>61.828.427.700</u>

Theo đó, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên đã được sử dụng hết để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 với tổng số tiền là 61.828.427.700 VND.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.164.826.385.369	2.887.713.712.689
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.164.620.544.824	2.885.980.077.653
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị</i>	-	1.690.563.636
<i>Doanh thu khác</i>	205.840.545	43.071.400
Các khoản giảm trừ	(495.850.816)	(143.188.500)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(425.708.116)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(70.142.700)	(143.188.500)
DOANH THU THUẦN	<u>4.164.330.534.553</u>	<u>2.887.570.524.189</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.164.124.694.008	2.885.836.889.153
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị</i>	-	1.690.563.636
<i>Doanh thu khác</i>	205.840.545	43.071.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.121.171.958	7.877.446.848
Lãi tiền gửi	2.195.734.678	1.935.422.200
Khác	416.086.483	136.738.583
TỔNG CỘNG	<u>14.732.993.119</u>	<u>9.949.607.631</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	3.491.625.407.393	2.337.989.837.585
Giá vốn máy móc thiết bị	-	1.326.000.000
Giá vốn khác	53.907.271	37.496.753
TỔNG CỘNG	<u>3.491.679.314.664</u>	<u>2.339.353.334.338</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.763.593.086	38.736.882.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.377.891.594	1.973.939.804
TỔNG CỘNG	<u>17.141.484.680</u>	<u>40.710.822.367</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	120.440.937.631	87.998.170.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.757.679.348	69.405.698.609
Chi phí nhân viên	17.268.947.521	11.848.311.845
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.278.300.193	2.882.450.384
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.110.309.316	2.370.448.476
Khác	1.025.701.253	1.491.261.161
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.692.957.953	23.754.855.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.843.278.285	10.203.228.811
Chi phí nhân viên	11.651.361.775	8.148.627.488
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.926.984.494	1.401.659.168
Khác	5.271.333.399	4.001.340.290
TỔNG CỘNG	<u>162.133.895.584</u>	<u>111.753.026.232</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	2.817.570.433.302	1.873.032.645.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.514.166.427	521.701.035.982
Chi phí nhân viên	151.518.821.508	103.165.312.021
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	102.514.672.239	105.221.930.762
Khác	22.367.494.633	176.353.900.429
TỔNG CỘNG	<u>3.722.485.588.109</u>	<u>2.779.474.824.536</u>

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.119.005.663	3.995.596.254
Thu tiền bồi thường	3.119.003.282	3.217.963.861
Khác	2.381	777.632.393
Chi phí khác	98.721.417	753.786.831
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	68.748.490	596.329.541
Khác	29.972.927	157.457.290
THU NHẬP KHÁC THUẦN	<u>3.020.284.246</u>	<u>3.241.809.423</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty:

- Công ty được miễn ba năm thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 1 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2013 - 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm năm tiếp theo (2016 - 2020). Các ưu đãi thuế này được áp dụng cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015; và
- Công ty được miễn hai năm thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2021) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn năm tiếp theo (2022 - 2025).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.334.428.236	18.136.957.853
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(110.376.323)	-
TỔNG CỘNG	<u>30.224.051.913</u>	<u>18.136.957.853</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>511.564.282.528</u>	<u>410.060.545.739</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng:	102.312.856.506	82.012.109.148
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	632.373.766	672.407.444
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(87.033.108)	(223.157.487)
Thuế TNDN được miễn	<u>(72.634.145.251)</u>	<u>(64.324.401.252)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>30.224.051.913</u>	<u>18.136.957.853</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán năm.

27. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	16.734.544.040	26.691.157.500
		và dịch vụ Thuê bãi	2.175.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	173.502.000	6.771.380.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Thu nhập Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.994.777.156	1.350.345.293
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	2.473.464.350	1.700.104.623
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	1.366.873.900	896.066.937
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	342.000.000	188.000.000
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	342.000.000	188.000.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	138.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	75.000.000	167.000.000
Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT	75.000.000	167.000.000
TỔNG CỘNG		5.155.193.480	4.677.516.853

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.000.906.328	2.407.751.128
Từ 1 đến 5 năm	4.003.625.313	9.631.004.513
Trên 5 năm	12.383.610.961	30.417.490.623
TỔNG CỘNG	17.388.142.602	42.456.246.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Phạm Thế Tài
Người lập

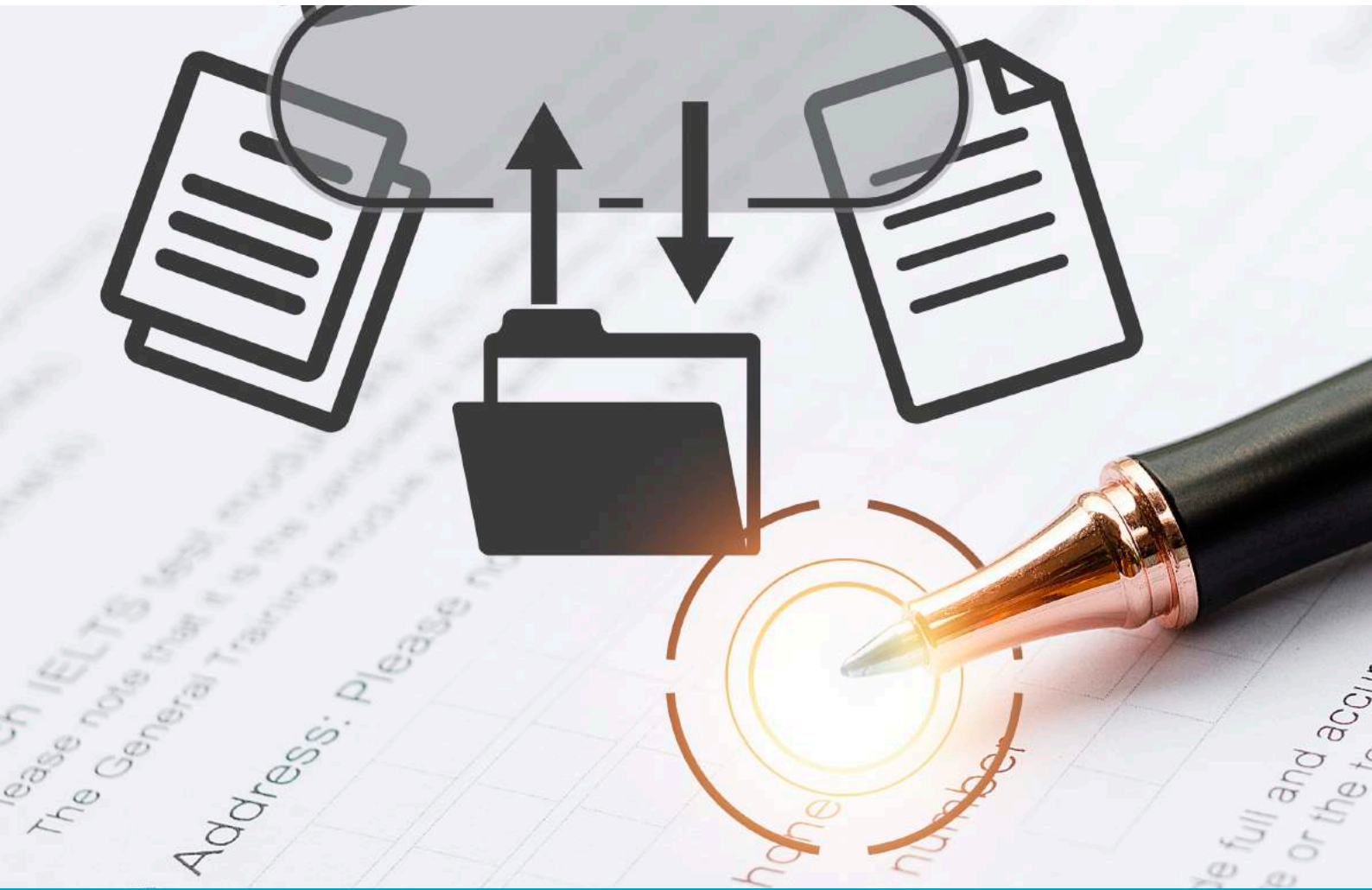

Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

H
H
T



Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ BÁ PHƯƠNG

